

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI
HIỆP ĐỊNH VIFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU
HÀNG DỆT, MAY CỦA VIỆT NAM TỚI THỊ TRƯỜNG I-XRA-EN
THÁNG 9/2026

Thuộc nhiệm vụ: « Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai Hiệp định VIFTA" năm 2026

Hà Nội, tháng 9 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
DANH MỤC BẢNG.....	2
I. Vai trò của hàng dệt, may trong cơ cấu xuất khẩu sang thị trường I-xra-en	5
II. Tình hình xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026	7
2.1. Diễn biến kim ngạch xuất khẩu tháng 8/2026	7
2.2. Tình hình xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam theo mã HS (4, 6, 8 số)	8
<i>2.2.1 Phân tích theo mã HS 4 số</i>	<i>8</i>
<i>2.2.2. Phân tích theo mã HS 6 số</i>	<i>9</i>
<i>2.2.3. Phân tích theo mã HS 8 số</i>	<i>10</i>
2.3. Đánh giá tác động của VIFTA trong xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam 8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 ở góc độ cơ cấu sản phẩm	11
III. Nhu cầu tiêu dùng tại thị trường I-xra-en và đánh giá đối thủ cạnh tranh.....	11
3.1. Nhu cầu nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-en.....	11
3.2. Thị phần cạnh tranh của các nguồn cung hàng dệt, may tại I-xra-en.....	12
IV. Đánh giá triển vọng thời gian tới.....	20
4.1. Cơ hội	20
4.2. Thách thức	21
4.3. Kiến nghị.....	22

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số nhóm hàng chủ lực sang thị trường I-xra-en 8 tháng đầu năm 2026	6
Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang I-xra-en theo mã HS 4 số trong 8 tháng đầu năm 2026	9
Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en theo mã HS 6 số (top 15) 8 tháng đầu năm 2026	10
Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang I-xra-en theo mã HS 8 số (top 15), 8 tháng đầu năm 2026	10
Bảng 5: Một số thị trường cung cấp chính hàng dệt, may vào I-xra-en 7 tháng năm 2026.....	12
Bảng 6: Nhập khẩu một số mã HS dệt may của I-xra-en từ một số thị trường chủ lực 7 tháng đầu năm 2026	14

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường I-xra-en 8 tháng đầu năm 2026	7
Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en qua các tháng năm 2025-2026.....	8

TÓM TẮT

Trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường I-xra-en tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, đạt 804,68 triệu USD, tăng 46,2% so với cùng kỳ năm 2025, cao hơn mức tăng 40,2% của 7 tháng đầu năm 2026, bất chấp những bất ổn về an ninh và địa chính trị tại khu vực Trung Đông. Trong bối cảnh đó, hàng dệt, may tiếp tục là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường I-xra-en, đứng thứ 6 trong nhóm hàng có kim ngạch lớn, đạt 36,32 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2025 - mức tăng cao hơn đáng kể so với 4,7% của 7 tháng và 0,8% của 6 tháng đầu năm 2026, cho thấy đà phục hồi xuất khẩu đang được củng cố rõ nét qua từng tháng. Đáng chú ý, riêng tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en đạt 6,53 triệu USD, tăng 65,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 11,4% so với tháng 7/2026, là mức kim ngạch theo tháng cao nhất trong 2 năm 2025 và 2026.

Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng của hàng dệt, may vẫn thấp hơn mức tăng chung 46,2% của xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường I-xra-en, khiến tỷ trọng mặt hàng này trong tổng kim ngạch tiếp tục giảm, từ 5,89% trong 8 tháng năm 2025 xuống còn 4,51% trong 8 tháng năm 2026 (dù mức giảm tỷ trọng đã thu hẹp đáng kể so với giai đoạn 7 tháng). Diễn biến này tiếp tục khẳng định thách thức đối với ngành dệt, may khi nhu cầu nhập khẩu của thị trường đang chững lại. Trong 7 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-en giảm nhẹ 2,3% so với cùng kỳ năm 2025 - đảo chiều so với mức tăng 0,4% của 6 tháng đầu năm - trong đó Trung Quốc vẫn giữ vị thế áp đảo với 47,71% thị phần. Việt Nam là thị trường có tốc độ tăng trưởng tích cực hơn các thị trường cạnh tranh khác, với trị giá nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-en từ Việt Nam tăng 19,6%, đưa thị phần lên 4,36% trong 7 tháng đầu năm 2026 và giúp Việt Nam vượt qua Hoa Kỳ để trở thành nhà cung cấp hàng dệt, may lớn thứ 5 tại thị trường này, sau khi đã vượt Italia trong giai đoạn trước đó.

Về cơ cấu sản phẩm, tăng trưởng trong 8 tháng đầu năm 2026 tiếp tục tập trung vào nhóm bộ com-lê, jacket, quần áo nam và trang phục thể thao. Trong đó, nhóm HS 6203 tăng 101,9%, HS 6211 tăng 135,2% và HS 6204 tăng 47,1%. Ở cấp độ chi tiết hơn, mã HS 620343 tăng 120,5% và HS 620462 tăng 109,2%. Những kết quả này tiếp tục khẳng định xu hướng doanh nghiệp Việt Nam khai thác ngày càng hiệu quả các phân khúc có giá trị gia tăng cao được hưởng ưu đãi thuế quan theo VIFTA, dù một số dòng sản phẩm truyền thống (HS 6201, HS 6212) vẫn tiếp tục suy giảm.

Hiệp định VIFTA tiếp tục tạo nền tảng thuận lợi cho hàng dệt, may Việt Nam tiếp cận thị trường, đặc biệt đối với các sản phẩm đáp ứng quy tắc xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan. Tuy nhiên, lợi thế thuế quan chỉ phát huy hiệu quả khi doanh nghiệp đáp ứng tốt các yêu cầu về giá, chất lượng, mẫu mã, thời gian giao hàng, tiêu chuẩn kỹ thuật và truy xuất nguồn gốc, trong bối cảnh cạnh tranh từ Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh và Thổ Nhĩ Kỳ vẫn gay gắt.

Nhìn chung, đà tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en đang được củng cố rõ nét qua từng tháng, cùng với vị thế thị trường tiếp tục cải thiện. Đây là cơ sở thuận lợi để doanh nghiệp tận dụng tốt hơn VIFTA trong những tháng cuối năm, gắn với đa dạng hóa sản phẩm, giảm phụ thuộc vào một số mã hàng chủ lực, đồng thời chủ động kiểm soát rủi ro địa chính trị và logistics, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về xuất xứ, ghi nhãn, an toàn sản phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật.

I. Vai trò của hàng dệt, may trong cơ cấu xuất khẩu sang thị trường I-xra-en

Trong 8 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường I-xra-en đạt 804,68 triệu USD, tăng 46,2% so với cùng kỳ năm 2025, cao hơn mức tăng 40,2% của 7 tháng đầu năm 2026. Kết quả này cho thấy hoạt động xuất khẩu hàng hóa sang thị trường I-xra-en tiếp tục duy trì đà tăng mạnh và có xu hướng tăng tốc, bất chấp những bất ổn về an ninh tại khu vực Trung Đông.

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026 tiếp tục tập trung vào một số nhóm hàng chủ lực. Trong đó, điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 29,74% tổng kim ngạch; kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này tăng 42,1% so với cùng kỳ năm 2025. Xuất khẩu các mặt hàng khác như hạt điều và hàng thủy sản cũng đạt mức tăng trưởng cao trong 8 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025, tăng lần lượt 51,9% và 27,2%.

Trong khi đó, hàng dệt, may tiếp tục đứng thứ 6 trong nhóm các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang thị trường I-xra-en 8 tháng đầu năm 2026, đạt 36,32 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2025 - mức tăng cao hơn đáng kể so với 4,7% của 7 tháng đầu năm 2026. Do tốc độ tăng vẫn thấp hơn xuất khẩu chung, tỷ trọng hàng dệt, may trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường I-xra-en tiếp tục thu hẹp, từ 5,89% trong 8 tháng đầu năm 2025 xuống còn 4,51% trong 8 tháng đầu năm 2026.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số nhóm hàng chủ lực sang thị trường I-xra-en 8 tháng đầu năm 2026

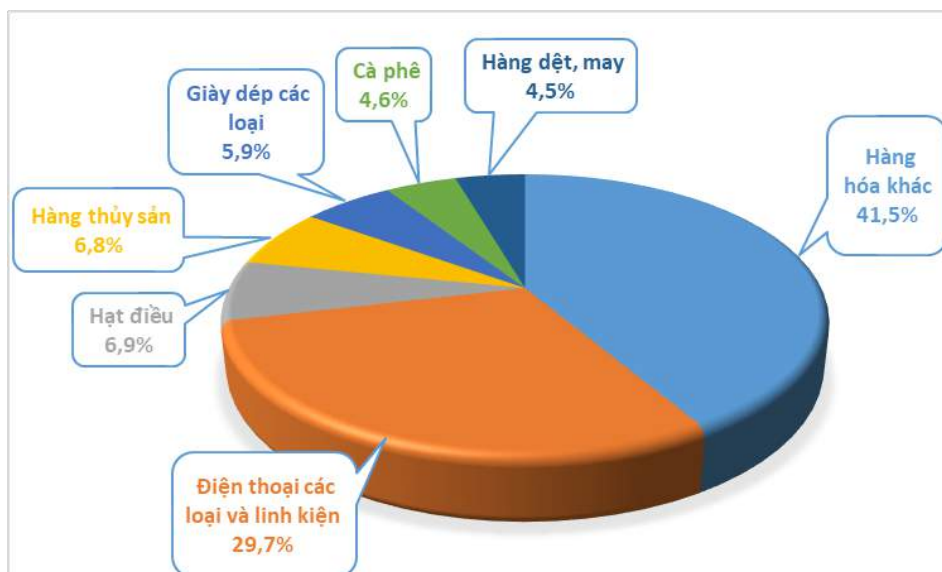
Nhóm hàng	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)
Tổng	804.676	46,2	100,00	100,00
Điện thoại các loại và linh kiện	239.307	42,1	29,74	30,60
Hạt điều	55.549	51,9	6,90	6,65
Hàng thủy sản	54.633	27,2	6,79	7,81
Giày dép các loại	47.394	-6,0	5,89	9,17
Cà phê	37.165	-6,9	4,62	7,26
Hàng dệt, may	36.316	12,1	4,51	5,89
Hàng hóa khác	334.312	86,2	41,55	32,64

Nguồn: Cục Hải quan

Sự thay đổi cơ cấu trên cho thấy vấn đề đối với hàng dệt, may không nằm ở việc kim ngạch suy giảm mà ở khả năng mở rộng thị phần trong một thị trường đang tăng trưởng nhanh. Trong khi kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en tăng 12,1%, xuất khẩu nhiều nhóm hàng khác có tốc độ tăng cao hơn đáng kể, đặc biệt là hạt điều và điện thoại các loại. Vì vậy, dù xuất khẩu dệt, may vẫn tăng và tốc độ tăng đã cải thiện rõ rệt qua từng tháng, nhóm hàng này vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường I-xra-en.

Các kết quả 8 tháng đầu năm 2026 cho thấy VIFTA tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hàng dệt, may Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng sang thị trường I-xra-en. Việc kim ngạch tăng liên tục qua từng tháng (từ 0,8% của 6 tháng lên 4,7% của 7 tháng và 12,1% của 8 tháng đầu năm 2026) là tín hiệu rất tích cực cho thấy đà xuất khẩu đang được cải thiện rõ nét. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng trong xuất khẩu hàng dệt, may sang vẫn chưa tương xứng với mức tăng 46,2% của tổng xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường I-xra-en. Điều này cho thấy việc hưởng lợi từ ưu đãi của VIFTA chưa đồng nghĩa với khả năng tự động mở rộng thị phần. Doanh nghiệp vẫn cần chuyển lợi thế thuế quan thành lợi thế cạnh tranh thực tế thông qua lựa chọn nhóm sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm và chủ động mở rộng khách hàng.

Biểu đồ 1: Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường I-xra-en 8 tháng đầu năm 2026 (Tỷ trọng % tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Cục Hải quan

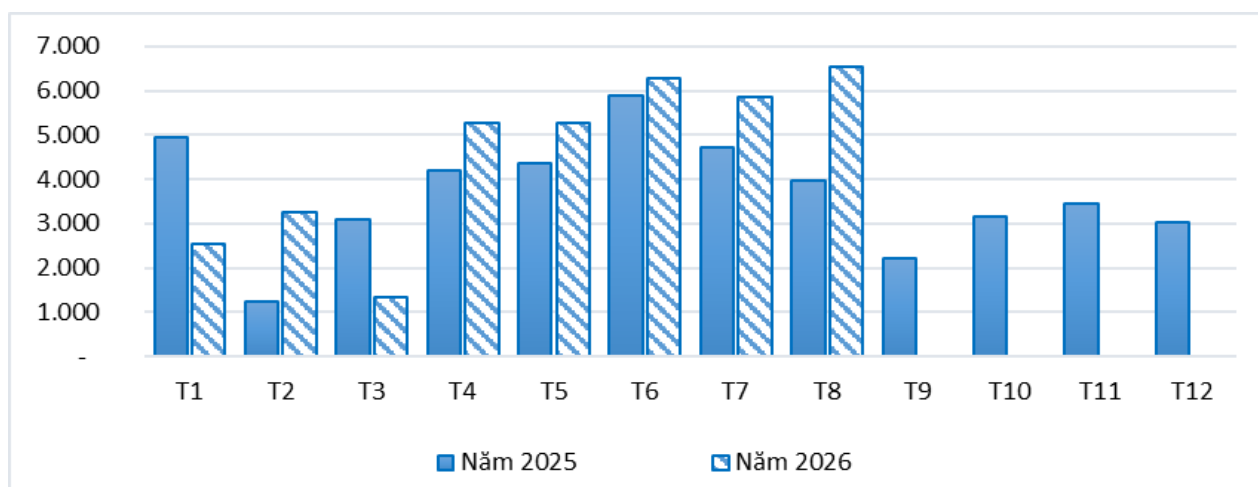
II. Tình hình xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

2.1. Diễn biến kim ngạch xuất khẩu tháng 8/2026

Trong 8 tháng đầu năm 2026, diễn biến xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en tiếp tục cải thiện rõ nét so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là kết quả xuất khẩu của tháng 8. Cụ thể, trong tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường này đạt 6,53 triệu USD, tăng 11,4% so với tháng trước và tăng 65,2% so với cùng tháng năm 2025. Đây là mức kim ngạch theo tháng cao nhất theo tháng tính từ đầu năm 2025 đến nay, cho thấy hoạt động xuất khẩu tiếp tục cải thiện mạnh sau khi đã lập đỉnh vào tháng 6/2026.

Đáng chú ý, mức tăng trong tháng 8/2026 tiếp tục góp phần cải thiện rõ hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu lũy kế. Nếu hết 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en chỉ tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2025, thì sau 7 tháng đã tăng lên 4,7%, và sau 8 tháng năm 2026, tốc độ tăng tiếp tục được nâng lên mức 12,1%. Điều này cho thấy đà phục hồi của xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en đang được củng cố liên tục qua từng tháng, mặc dù kim ngạch giữa các tháng vẫn có thể biến động do đặc điểm đơn hàng.

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en qua các tháng năm 2025-2026 (Đvt: nghìn USD)



Nguồn: Cục Hải quan

Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en đạt 36,32 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, riêng 2 tháng đầu quý III/2026 (tháng 7 và tháng 8) đóng góp 12,39 triệu USD, chiếm khoảng 34% tổng kim ngạch lũy kế 8 tháng đầu năm 2026; và riêng tháng 8/2026 đóng góp gần 18% tổng kim ngạch lũy kế. Kết quả này cho thấy xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en đã có sự khởi sắc rõ rệt khi bước vào nửa cuối năm, tạo cơ sở để kỳ vọng kim ngạch cả năm 2026 tăng trưởng tích cực hơn so với năm 2025, nếu đơn đặt hàng được duy trì trong các tháng tới.

2.2. Tình hình xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam theo mã HS (4, 6, 8 số)

2.2.1 Phân tích theo mã HS 4 số

Theo mã HS 4 số, cơ cấu mặt hàng dệt, may xuất khẩu sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026 tiếp tục có sự phân hóa rõ giữa các nhóm sản phẩm, với mức tăng trưởng mạnh hơn giai đoạn 7 tháng đầu năm 2026. Đáng chú ý, nhóm HS 6203 (bộ com-lê, jacket, quần dài nam dệt thoi) tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu và có xu hướng tăng tỷ trọng. Kim ngạch xuất khẩu nhóm này đạt 7,72 triệu USD, tăng 101,9% so với cùng kỳ năm 2025 - mức tăng còn cao hơn mức 85,3% của 7 tháng đầu năm 2026; tỷ trọng tăng mạnh từ 11,90% của 8 tháng đầu năm 2025 lên 21,52% trong 8 tháng đầu năm 2026. Như vậy, chỉ riêng nhóm HS 6203 đã đóng góp hơn 1/5 tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026.

Đặc biệt, xuất khẩu nhóm HS 6211 (quần áo thể thao, quần áo khác) đạt tốc độ tăng trưởng đáng kể 135,2% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 3,99 triệu USD trong 8 đầu năm 2026, đưa tỷ trọng từ 5,27% lên 11,11%, vươn lên vị trí thứ 3 trong cơ cấu mặt hàng dệt, may xuất khẩu. Nhóm HS 6204 (bộ com-lê, jacket, váy nữ dệt thoi) cũng tăng mạnh 47,1%, đạt 2,20 triệu USD, tỷ trọng tăng từ 4,66% lên 6,14%.

Trái lại, xuất khẩu mã HS 6201 (áo khoác nam giới dệt thoi) đạt 4,90 triệu USD trong 8 tháng đầu năm 2026, giảm 24,5% so với cùng kỳ năm 2025 - mức giảm sâu hơn so với 16,2% của 7 tháng đầu năm 2026, khiến tỷ trọng tiếp tục giảm từ 20,16% của 8 tháng đầu năm 2025 xuống còn 13,65% trong 8 tháng đầu năm 2026. Nhóm HS 6212 (áo lót, nịt ngực, coóc-xê) cũng giảm 33,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2025, tỷ trọng giảm từ 9,28% xuống 5,57%. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu một số nhóm khác thu hẹp đáng kể trong 8 tháng đầu năm 2026 như nhóm HS 6205 giảm 17,7% so với cùng kỳ năm 2025 (thu hẹp so với mức giảm 23,8% của 7 tháng đầu năm 2026).

Nhìn tổng thể, cơ cấu xuất khẩu hàng dệt, may theo mã HS 4 số sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026 tiếp tục tập trung mạnh hơn vào các nhóm hàng dệt thoi, đặc biệt là trang phục nam và quần áo thể thao, trong khi một số nhóm hàng dệt kim, đồ lót truyền thống tiếp tục thu hẹp. Diễn biến này khẳng định tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en hiện được dẫn dắt bởi một số nhóm sản phẩm có mức tăng rất cao, và mức độ tập trung này đang có xu hướng gia tăng qua từng tháng.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang I-xra-en theo mã HS 4 số trong 8 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

2.2.2. Phân tích theo mã HS 6 số

Ở cấp độ mã HS 6 số, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026 tiếp tục tập trung cao vào một số mã hàng chủ lực, với mức tăng trưởng mạnh hơn trong 7 tháng đầu năm 2026. Cụ thể, mã HS 620333 (bộ com-lê nam bằng len/lông động vật) tiếp tục dẫn đầu với 4,87 triệu USD, chiếm 13,58% tổng kim ngạch (7 tháng đầu năm 2025 doanh nghiệp hầu như không xuất khẩu mã này sang I-xra-en). Đáng chú ý, mã HS 621133 (đồ thể thao khác bằng xơ sợi nhân tạo) tăng 141,0% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 3,88 triệu USD, chiếm 10,83% tổng kim ngạch trong 8 tháng đầu năm 2026, và mã HS

620343 (bộ com-lê nam bằng xơ sợi tổng hợp) tăng 120,5%, đạt 2,41 triệu USD, chiếm 6,71%. Mã HS 620462 (thuộc nhóm bộ, jacket nữ dệt thoi) cũng tăng 109,2%.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu mã HS 620190 trong 8 tháng đầu năm 2026 giảm 42,3% so với cùng kỳ năm 2025; HS 621210 giảm 33,8% và HS 610910 giảm 21,4% - cho thấy đà suy giảm ở một số nhóm hàng dệt kim, đồ lót truyền thống tiếp tục sâu hơn so với 7 tháng đầu năm 2026. Như vậy, tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026 tiếp tục được tạo bởi một số mã hàng tăng rất mạnh, trong khi nhiều dòng sản phẩm truyền thống vẫn suy giảm sâu.

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en theo mã HS 6 số (top 15) 8 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

2.2.3. Phân tích theo mã HS 8 số

Theo mã HS 8 số, ba mã hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2026 là mã HS 62033300 (4,87 triệu USD), HS 62113390 (3,88 triệu USD, tăng 141,0% so với cùng kỳ năm 2025) và HS 62019090 (2,56 triệu USD, giảm 42,3% so với cùng kỳ năm 2025), chiếm tổng cộng khoảng 31,6% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang I-xra-en. Tính rộng ra Top 5 mã HS 8 số chiếm khoảng 43,6% tổng kim ngạch 8 tháng năm 2026, cao hơn mức 42,9% của 7 tháng đầu năm 2026, cho thấy mức độ tập trung của cơ cấu xuất khẩu đang tương đối cao và có xu hướng gia tăng.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu nhiều nhóm hàng dệt, may mã HS 8 số sang thị trường I-xra-en tiếp tục giảm trong 8 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025, như HS 62019090 giảm 42,3%, HS 62121099 giảm 31,3%, HS 61046300 giảm 8,0% và HS 62052090 giảm 15,1%. Sự trái chiều giữa các mã hàng cho thấy tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en vẫn chưa diễn ra đồng đều mà phụ thuộc đáng kể vào từng dòng sản phẩm cụ thể.

Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang I-xra-en theo mã HS 8 số (top 15), 8 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

2.3. Đánh giá tác động của VIFTA trong xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam 8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 ở góc độ cơ cấu sản phẩm

Diễn biến xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026 tiếp tục cho thấy tác động ngày càng rõ nét từ VIFTA khi so với cùng kỳ năm 2025.

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en trong 8 tháng đầu năm 2026 đạt 36,32 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2025 - mức tăng cao gấp gần 3 lần so với 4,7% của 7 tháng đầu năm 2026 và cao gấp nhiều lần mức tăng 0,8% của 6 tháng đầu năm 2026, cho thấy đà tăng trưởng đang được củng cố rõ rệt và liên tục qua từng tháng. Các mã hàng chủ lực thuộc nhóm may mặc ngoài không dệt kim (HS 6203, HS 6211, HS 6204) tiếp tục duy trì tốc độ tăng rất cao, từ 47% đến trên 135% - thậm chí còn cao hơn mức tăng đã đạt được trong 7 tháng đầu năm 2026. Điều này phần nào phản ánh việc doanh nghiệp đang tận dụng ngày càng hiệu quả hơn lợi thế thuế quan 0% theo VIFTA đối với các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Cụ thể, nhìn ở góc độ cơ cấu sản phẩm, tác động của VIFTA tiếp tục thể hiện rõ nhất ở nhóm hàng may mặc ngoài không dệt kim (jacket, suit, đồ thể thao) - nơi các doanh nghiệp có năng lực đáp ứng đơn hàng giá trị cao đã tận dụng tốt ưu đãi thuế quan để mở rộng thị phần, trong khi nhóm hàng dệt kim, đồ lót cơ bản - vốn cạnh tranh chủ yếu bằng giá - vẫn chịu áp lực suy giảm ngày càng sâu hơn do cạnh tranh gay gắt từ các nguồn cung giá rẻ như Bangladesh, Campuchia. Nhìn chung, đà tăng trưởng cải thiện liên tục qua các tháng gần đây là dấu hiệu rất tích cực cho thấy hiệu ứng VIFTA đang lan tỏa ngày càng mạnh, song doanh nghiệp cần tiếp tục tận dụng hiệu quả hơn nữa các ưu đãi còn lại theo lộ trình cắt giảm thuế để thu hẹp hơn nữa khoảng cách với tốc độ tăng trưởng chung 46,2% của xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường này.

III. Nhu cầu tiêu dùng tại thị trường I-xra-en và đánh giá đối thủ cạnh tranh

3.1. Nhu cầu nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-en

Theo số liệu của Cục Thống kê Trung ương I-xra-en, nhu cầu nhập khẩu hàng dệt, may (HS từ 50-63, trừ HS 57) của I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 2.097,32 triệu USD, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2025 - đảo chiều so với mức tăng 0,4% đạt được trong 6 tháng đầu năm 2026. Diễn biến này cho thấy nhu cầu

tiêu dùng dệt may của thị trường I-xra-en đang có dấu hiệu chững lại, tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những bất ổn kinh tế và địa chính trị trong khu vực.

3.2. Thị phần cạnh tranh của các nguồn cung hàng dệt, may tại I-xra-en

Xét theo cơ cấu nguồn cung trong 7 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc tiếp tục là thị trường cung cấp lớn nhất hàng dệt, may vào I-xra-en, với trị giá nhập khẩu 1.000,68 triệu USD, chiếm 47,71% tổng trị giá nhập khẩu - tăng 1,3% về trị giá và duy trì ổn định về thị phần so với mức 47,77% của 6 tháng đầu năm 2026. Đáng chú ý, thứ hạng giữa các nguồn cung tiếp theo đã có sự xáo trộn: Thổ Nhĩ Kỳ đã vượt qua Bangladesh để vươn lên vị trí thứ 3, dù trị giá nhập khẩu từ thị trường này vẫn giảm 8,7% trong 7 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025, đạt 126,21 triệu USD, thị phần đạt 6,02%. Ngược lại, nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-en từ thị trường Bangladesh trong 7 tháng đầu năm 2026 giảm 28,6% so với cùng kỳ năm 2025 và Bangladesh đã tụt xuống vị trí thứ 4 với thị phần 5,86%, thu hẹp đáng kể so với mức 6,20% của 6 tháng đầu năm 2026. Nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-ne từ thị trường Ấn Độ cũng giảm 14,7% về trị giá, thị phần giảm xuống còn 6,73%.

Đối với Việt Nam, trị giá nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-en từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 91,41 triệu USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2025. Nhờ đó, thị phần hàng dệt, may của Việt Nam tại I-xra-en tiếp tục cải thiện, tăng từ 3,56% trong 7 tháng đầu năm 2025 lên 4,36% trong 7 tháng đầu năm 2026, vượt qua Hoa Kỳ (với thị phần 4,32%) để vươn lên vị trí nhà cung cấp lớn thứ 5 tại thị trường này - chỉ đứng sau Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và Bangladesh. Đây là bước cải thiện đáng kể so với vị trí thứ 6 ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2026, tiếp nối đà vươn lên để vượt qua thị trường Italia trước đó.

**Bảng 5: Một số thị trường cung cấp chính hàng dệt, may vào I-xra-en
7 tháng đầu năm 2026**

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2026 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2025 (%)
Tổng	2.097.321	-2,3	100,00	100,00
Trung Quốc	1.000.678	1,3	47,71	46,06
Ấn Độ	141.173	-14,7	6,73	7,71
Thổ Nhĩ Kỳ	126.211	-8,7	6,02	6,44

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2026 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2025 (%)
Bangladesh	122.859	-28,6	5,86	8,02
Việt Nam	91.407	19,6	4,36	3,56
Hoa Kỳ	90.584	23,5	4,32	3,42
Italia	76.600	2,5	3,65	3,48
Campuchia	53.603	-0,4	2,56	2,51
Hồng Kông	42.052	46,1	2,01	1,34
Indonesia	36.004	12,4	1,72	1,49

Nguồn: Cục Thống kê Trung ương I-xra-en

Xét theo cơ cấu hàng dệt, may nhập khẩu: Cơ cấu hàng dệt, may nhập khẩu của I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026 rất đa dạng với hàng trăm mã (theo mã HS 8 số), trong đó, các mã HS chính gồm HS 61091010, HS 62046200, HS 62034200, HS 61099090, HS 61091090, HS 61102000, chiếm khoảng 21,7% tổng trị giá nhập khẩu. Cụ thể:

HS 61091010 tiếp tục là mã có trị giá nhập khẩu lớn nhất, đạt 151,47 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2026, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2025. I-xra-en chủ yếu nhập khẩu mã này từ thị trường Trung Quốc, chiếm 36,42% tổng trị giá, tiếp đến là Bangladesh (19,42%) và Ấn Độ (11,57%). Việt Nam đứng thứ tư với 5,90% - tỷ trọng giảm so với mức 6,29% của 6 tháng đầu năm 2026.

Nhập khẩu mã HS 62046200 của I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 86,77 triệu USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2025. Trung Quốc là nguồn cung lớn nhất đối với mã này, chiếm 54,30% tổng trị giá, tiếp theo là Bangladesh (14,08%), Campuchia (4,90%), Thổ Nhĩ Kỳ (4,52%) và Ấn Độ (3,64%); Việt Nam chiếm thị phần 2,13% trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng so với mức 1,32% của cùng kỳ năm 2025.

Nhập khẩu mã HS 62034200 của I-xra-en đạt 83,47 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2025. Trung Quốc là nguồn cung lớn nhất mã hàng này, chiếm 44,87% tổng trị giá (giảm so với mức 53,76% của 6 tháng đầu năm 2026), tiếp theo là Bangladesh (16,19%), Pakistan (5,66%), Hồng Kông (4,71%) và Thổ Nhĩ Kỳ (4,40%); Việt Nam chiếm thị phần 1,51% trong 7 tháng đầu năm 2026.

Nhập khẩu mã HS 61099090 của I-xra-en đạt 56,56 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 22,0% so với cùng kỳ năm 2025. I-xra-en nhập khẩu mã HS này chủ yếu từ Trung Quốc (43,47%), Italia (20,49%), Thổ Nhĩ Kỳ (6,50%), Pháp (5,02%); Việt Nam chiếm thị phần 2,61% trong 7 tháng đầu năm 2026.

Nhập khẩu mã HS 61091090 của I-xra-en đạt 38,95 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 47,6% so với cùng kỳ năm 2025. Trung Quốc tiếp tục là nguồn cung lớn nhất, chiếm 45,11%, tiếp đến Bangladesh (19,13%). Thổ Nhĩ Kỳ và Hồng Kông lần lượt chiếm 5,24% và 4,98%, trong khi Việt Nam chiếm 2,965.

Nhập khẩu mã HS 61102000 của I-xra-en đạt 38,86 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn nhất là 45,39%, tiếp đến là Bangladesh chiếm 14,03%, Việt Nam đứng thứ ba với 9,15% - ổn định so với mức 9,10% của 6 tháng đầu năm 2026, trong khi trị giá nhập khẩu mã hàng này từ Việt Nam vẫn tăng khá mạnh 57,3% so với cùng kỳ năm 2025. Đây tiếp tục là một trong những mã có triển vọng đáng chú ý đối với hàng dệt, may Việt Nam.

Có thể thấy, Trung Quốc vẫn là nguồn cung chủ đạo của I-xra-en đối với hầu hết các mã dệt, may chính. Đối với Việt Nam, vị thế cung ứng tiếp tục được cải thiện, đặc biệt Việt Nam vươn lên vị trí cung ứng thứ hai đối với mã HS 62121090 (chiếm 15,11% trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng từ mức 13,81% của 6 tháng đầu năm 2026) và duy trì vị trí thứ ba đối với mã HS 61102000 (chiếm 9,15%). Đây là những phân khúc có dư địa để doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục mở rộng thị phần tại thị trường I-xra-en.

Bảng 6: Nhập khẩu một số mã HS dệt may của I-xra-en từ một số thị trường chủ lực 7 tháng đầu năm 2026

Mã HS	Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2025 (%)
61091010	Tổng	151.467	-9,9	100,00	100,00
	Trung Quốc	55.163	8,9	36,42	30,14
	Bangladesh	29.420	-30,2	19,42	25,09
	Ấn Độ	17.525		11,57	12,64
	Việt Nam	8.930	-15,6	5,90	6,29
	Thổ Nhĩ Kỳ	6.573	-26,4	4,34	5,31
	Italia	5.071	-1,8	3,35	3,07
	Campuchia	4.342	-4,7	2,87	2,71
	Bồ Đào Nha	2.447	7,4	1,62	1,36

Mã HS	Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2025 (%)
	Ai Cập	2.393	2,1	1,58	1,39
	Hồng Kông	1.845	16,3	1,22	0,94
	Hoa Kỳ	1.714	32,6	1,13	0,77
	Đan Mạch	1.373	117,9	0,91	0,38
	Indonesia	1.246	55,5	0,82	0,48
	Thái Lan	1.173	22,9	0,77	0,57
	Uzbekistan	1.075	-20,6	0,71	0,81
	Pakistan	1.046	-22,0	0,69	0,80
62046200	Tổng	86.771	16,4	100,00	100,00
	Trung Quốc	47.115	61,5	54,30	39,14
	Bangladesh	12.220	-23,5	14,08	21,43
	Campuchia	4.252	48,1	4,90	3,85
	Thổ Nhĩ Kỳ	3.926	-43,0	4,52	9,24
	Ấn Độ	3.163	-10,8	3,64	4,76
	Italia	2.722	69,2	3,14	2,16
	Pakistan	2.579	-39,1	2,97	5,68
	Việt Nam	1.849	88,3	2,13	1,32
	Ai Cập	1.779	-19,8	2,05	2,98
	Hồng Kông	1.580	251,1	1,82	0,60
	Qatar	1.037	16.231,1	1,19	0,01
62034200	Tổng	83.470	2,4	100,00	100,00
	Trung Quốc	37.451	3,0	44,87	44,63
	Bangladesh	13.512	-11,6	16,19	18,75
	Pakistan	4.721	-22,3	5,66	7,45
	Hồng Kông	3.928	239,2	4,71	1,42
	Thổ Nhĩ Kỳ	3.671	-31,0	4,40	6,53
	Ấn Độ	3.112	61,0	3,73	2,37
	Ai Cập	2.876	52,6	3,45	2,31
	Tunisia	2.703	13,6	3,24	2,92
	Qatar	2.497	12.264,5	2,99	0,02
	Italia	1.986	-12,1	2,38	2,77
	Việt Nam	1.261	-33,9	1,51	2,34
	Rumani	1.044	36,0	1,25	0,94
61099090	Tổng	56.555	22,0	100,00	100,00
	Trung Quốc	24.586	10,9	43,47	47,85
	Italia	11.589	4,1	20,49	24,02
	Thổ Nhĩ Kỳ	3.675	161,2	6,50	3,04
	Pháp	2.839	16,9	5,02	5,24
	Hồng Kông	2.838	144,4	5,02	2,51
	Hoa Kỳ	2.121	128,7	3,75	2,00
	Việt Nam	1.477	78,8	2,61	1,78
	Ấn Độ	1.404	102,4	2,48	1,50
61091090	Tổng	38.946	47,6	100,00	100,00

Mã HS	Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2025 (%)
	Trung Quốc	17.569	108,2	45,11	31,97
	Bangladesh	7.449	21,0	19,13	23,33
	Thổ Nhĩ Kỳ	2.042	11,8	5,24	6,92
	Hồng Kông	1.940	2.540,7	4,98	0,28
	Ấn Độ	1.450	5,7	3,72	5,20
	Việt Nam	1.151	-33,7	2,96	6,58
	Bồ Đào Nha	1.120	23,9	2,88	3,43
	Ma-rốc	876	-9,2	2,25	3,66
	Ai Cập	694	-9,3	1,78	2,90
61102000	Tổng	38.860	12,8	100,00	100,00
	Trung Quốc	17.637	67,3	45,39	30,61
	Bangladesh	5.453	-2,7	14,03	16,27
	Việt Nam	3.557	57,3	9,15	6,56
	Thổ Nhĩ Kỳ	2.480	-16,1	6,38	8,58
	Pakistan	2.067	-26,4	5,32	8,15
	Campuchia	1.178	-38,4	3,03	5,55
	Ấn Độ	997	10,1	2,57	2,63
	Italia	775	-10,3	1,99	2,51
	Bồ Đào Nha	766	-25,6	1,97	2,99
	Indonesia	657	10,9	1,69	1,72
	Qatar	552	69.409,8	1,42	0,00
61112090	Tổng	37.234	-7,8	100,00	100,00
	Trung Quốc	26.063	-9,3	70,00	71,15
	Ấn Độ	3.446	6,4	9,26	8,02
	Bangladesh	3.051	-22,3	8,20	9,73
	Hoa Kỳ	1.224	34,0	3,29	2,26
	Hồng Kông	835	104,9	2,24	1,01
	Campuchia	797	4,9	2,14	1,88
	Việt Nam	645	2,0	1,73	1,57
	Indonesia	258	-18,2	0,69	0,78
	Canada	191	209,0	0,51	0,15
62042900	Tổng	35.244	53,0	100,00	100,00
	Trung Quốc	23.625	51,0	67,03	67,91
	Thổ Nhĩ Kỳ	6.944	177,6	19,70	10,86
	Hoa Kỳ	1.470	5,3	4,17	6,06
	Italia	1.105	28,1	3,13	3,75
	Hồng Kông	867	-24,0	2,46	4,96
	Ấn Độ	418	-2,6	1,19	1,86
	Bangladesh	282	421,8	0,80	0,23
	Thái Lan	117	-39,9	0,33	0,85
	Anh	101	1.155,4	0,29	0,03
	Pháp	78	-5,6	0,22	0,36
	Hy Lạp	77	-21,1	0,22	0,42

Mã HS	Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2025 (%)
	Hàn Quốc	57		0,16	-
	Bỉ	37	-26,0	0,10	0,22
	Bồ Đào Nha	34	1.722,7	0,10	0,01
	Ca-mơ-run	8,9		0,03	-
	Nhật Bản	7,7	7.971,9	0,02	0,00
	Việt Nam	6,3	2.920,8	0,02	0,00
55032000	Tổng	35.108	2,5	100,00	100,00
	Trung Quốc	23.503	-7,9	66,95	74,46
	Thái Lan	2.866	2,3	8,16	8,18
	Ấn Độ	2.799	72,2	7,97	4,75
	Đài Loan	1.841	-19,0	5,25	6,64
	Thổ Nhĩ Kỳ	1.744	2.799,7	4,97	0,18
	Hàn Quốc	1.254	-13,9	3,57	4,25
	Italia	587	43,3	1,67	1,19
	Việt Nam	364	454,7	1,04	0,19
61103000	Tổng	33.271	10,5	100,00	100,00
	Trung Quốc	19.997	17,2	60,10	56,69
	Bangladesh	3.429	5,1	10,31	10,84
	Thổ Nhĩ Kỳ	2.052	-33,7	6,17	10,29
	Việt Nam	1.537	15,3	4,62	4,43
	Campuchia	1.038	-35,6	3,12	5,35
	Indonesia	700	584,8	2,11	0,34
	Hoa Kỳ	606	214,8	1,82	0,64
	Jordan	593	172,6	1,78	0,72
	Hồng Kông	526	299,6	1,58	0,44
62052000	Tổng	33.010	-27,0	100,00	100,00
	Trung Quốc	18.922	-14,8	57,32	49,09
	Ấn Độ	3.298	-21,7	9,99	9,31
	Bangladesh	2.065	-71,6	6,26	16,08
	Việt Nam	1.622	-5,8	4,91	3,81
	Hoa Kỳ	1.335	29,8	4,04	2,27
	Thổ Nhĩ Kỳ	1.315	-42,1	3,98	5,03
	Myanma	778	-42,2	2,36	2,98
	Hồng Kông	721	17,9	2,19	1,35
	Italia	605	12,4	1,83	1,19
	Indonesia	557	4,6	1,69	1,18
62121090	Tổng	32.156	-1,0	100,00	100,00
	Trung Quốc	10.157	-11,3	31,59	35,26
	Việt Nam	4.857	20,7	15,11	12,38
	Hoa Kỳ	4.134	70,1	12,86	7,48
	Indonesia	2.798	19,1	8,70	7,23
	Sri Lanka	1.582	-34,8	4,92	7,46
	Ma-rốc	1.519	-5,2	4,72	4,93

Mã HS	Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2025 (%)
	Myanma	977	-58,1	3,04	7,18
	Hồng Kông	972	-6,3	3,02	3,19
	Anh	669	45,7	2,08	1,41
	Campuchia	592	63,1	1,84	1,12
	Pháp	592	190,7	1,84	0,63
61099010	Tổng	30.215	-15,8	100,00	100,00
	Trung Quốc	13.930	-7,9	46,10	42,17
	Thổ Nhĩ Kỳ	3.609	-23,9	11,94	13,22
	Việt Nam	2.861	55,7	9,47	5,12
	Bangladesh	1.730	-61,2	5,73	12,43
	Campuchia	1.201	-15,4	3,97	3,96
	Ấn Độ	1.127	51,3	3,73	2,08
	Pakistan	857	-17,7	2,84	2,90
	Thái Lan	733	-11,9	2,42	2,32
	Hoa Kỳ	575	126,8	1,90	0,71
63079090	Tổng	30.184	-2,7	100,00	100,00
	Trung Quốc	15.924	3,8	52,76	49,44
	Việt Nam	3.911	-19,9	12,96	15,75
	Hoa Kỳ	2.733	-9,6	9,05	9,74
	México	1.369	87,2	4,54	2,36
	Thổ Nhĩ Kỳ	871	-1,0	2,88	2,83
	Đức	781	53,1	2,59	1,64
	Anh	670	-29,3	2,22	3,05
	Ấn Độ	517	2,4	1,71	1,63
	Hồng Kông	504	37,7	1,67	1,18
61149000	Tổng	29.811	16,1	100,00	100,00
	Trung Quốc	10.723	20,4	35,97	34,69
	Hoa Kỳ	6.723	460,3	22,55	4,67
	Bangladesh	1.874	-14,2	6,29	8,51
	Thụy Điển	1.770	-65,1	5,94	19,75
	Ấn Độ	1.407	65,8	4,72	3,31
	Italia	1.177	3,5	3,95	4,43
	Tây Ban Nha	713	125,5	2,39	1,23
	Thổ Nhĩ Kỳ	694	-45,3	2,33	4,93
	Việt Nam	588	-4,1	1,97	2,39
	Indonesia	551	513,0	1,85	0,35
	Hồng Kông	548	50,2	1,84	1,42
62046300	Tổng	25.410	34,1	100,00	100,00
	Trung Quốc	14.209	88,8	55,92	39,73
	Việt Nam	2.381	7,0	9,37	11,74
	Jordan	2.086	34,6	8,21	8,18
	Campuchia	1.396	0,6	5,49	7,32
	Thổ Nhĩ Kỳ	1.107	-29,5	4,36	8,29

Mã HS	Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2025 (%)
	Bangladesh	802	-37,7	3,16	6,80
62046900	Tổng	24.914	0,1	100,00	100,00
	Trung Quốc	14.505	26,7	58,22	46,02
	Việt Nam	1.779	128,1	7,14	3,13
	Bangladesh	1.727	-38,1	6,93	11,22
	Italia	1.181	12,9	4,74	4,20
	Thổ Nhĩ Kỳ	967	-48,3	3,88	7,52
	Campuchia	823	-33,7	3,30	4,98
	Ấn Độ	531	47,9	2,13	1,44
	Ma-rốc	514	-68,0	2,06	6,46
62069000	Tổng	23.832	-15,9	100,00	100,00
	Trung Quốc	11.074	-23,4	46,47	51,03
	Italia	4.372	0,7	18,35	15,32
	Thổ Nhĩ Kỳ	1.949	-14,3	8,18	8,02
	Hoa Kỳ	1.197	17,3	5,02	3,60
	Bangladesh	1.057	-25,9	4,44	5,03
	Ấn Độ	621	1,7	2,61	2,15
	Việt Nam	503	149,9	2,11	0,71
	Hồng Kông	497	-20,4	2,08	2,20
62034300	Tổng	23.413	-1,4	100,00	100,00
	Trung Quốc	12.377	1,5	52,86	51,36
	Việt Nam	3.598	37,9	15,37	10,99
	Hồng Kông	1.304	47,6	5,57	3,72
	Bangladesh	957	-10,8	4,09	4,52
	Campuchia	770	-29,9	3,29	4,63
	Indonesia	736	-0,7	3,14	3,12
	Thổ Nhĩ Kỳ	559	-58,3	2,39	5,65
	Thái Lan	544	199,0	2,32	0,77
62044300	Tổng	23.309	3,5	100,00	100,00
	Trung Quốc	14.519	13,1	62,29	56,99
	Campuchia	1.282	5,5	5,50	5,40
	Thổ Nhĩ Kỳ	1.149	-33,8	4,93	7,71
	Hoa Kỳ	749	42,2	3,21	2,34
	Ukraina	609	93,5	2,61	1,40
	Ấn Độ	596	-35,3	2,56	4,09
	Jordan	493	-53,6	2,11	4,71
	Hồng Kông	489	149,9	2,10	0,87
	Italia	381	15,9	1,63	1,46
	Ma-rốc	357	-74,9	1,53	6,32
	Anh	341	125,2	1,46	0,67
	Canada	223	465,8	0,96	0,18
	Tây Ban Nha	220	19,1	0,94	0,82
	Bangladesh	216	3,1	0,93	0,93

Mã HS	Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2025 (%)
	Thái Lan	197	47,6	0,85	0,59
	UAE	188	760,2	0,81	0,10
	Việt Nam	164	-11,8	0,70	0,82

Nguồn: Cục Thống kê Trung ương I-xra-en

Nhìn chung, hàng dệt, may Việt Nam tiếp tục cho thấy khả năng cạnh tranh cải thiện rõ nét tại thị trường I-xra-en nhờ chất lượng sản phẩm ổn định, năng lực đáp ứng các đơn hàng trung và cao cấp, cùng lợi thế thuế quan từ Hiệp định VIFTA. Việc thị phần của Việt Nam vượt qua Hoa Kỳ trong 7 tháng đầu năm 2026, sau khi đã vượt Italia trước đó, là một dấu mốc đáng ghi nhận, đưa Việt Nam trở thành nhà cung cấp lớn thứ 5 tại thị trường này.

Tuy nhiên, xét về quy mô thị phần, Việt Nam vẫn còn khoảng cách khá lớn so với Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và Bangladesh. Điều này cho thấy dư địa mở rộng thị phần hàng dệt, may của Việt Nam tại thị trường I-xra-en vẫn còn lớn, nếu doanh nghiệp tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan, đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về phát triển bền vững, đồng thời đa dạng hóa sản phẩm và tăng cường hợp tác với các nhà phân phối tại thị trường I-xra-en.

IV. Đánh giá triển vọng thời gian tới

4.1. Cơ hội

Có thể thấy, đà phục hồi xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en đang được củng cố rõ nét và liên tục qua từng tháng. Sau mức tăng chỉ 0,8% trong 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch hàng dệt, may của Việt Nam tăng lên 4,7% trong 7 tháng và tiếp tục tăng tốc lên 12,1% trong 8 tháng đầu năm 2026; riêng tháng 8/2026, xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường này tăng 65,2% so với tháng 8/2025 và đạt mức kim ngạch theo tháng cao nhất trong 2 năm 2025 và 2026. Đây là tín hiệu rất tích cực cho thấy nhu cầu đối với hàng dệt, may Việt Nam đang cải thiện rõ rệt, tạo cơ sở thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu trong những tháng cuối năm.

Vị thế của Việt Nam tại thị trường I-xra-en tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ. Sau khi vượt Italia trong 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam đã tiếp tục vượt qua Hoa Kỳ về thị phần nhập khẩu hàng dệt, may của I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026, vươn lên vị trí nhà cung cấp lớn thứ 5. Đây là nền tảng thuận lợi để doanh

nghiệp tiếp tục mở rộng quan hệ với các nhà nhập khẩu và nâng quy mô đơn hàng, nhất là trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của I-xra-en vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung bên ngoài.

Một số nhóm sản phẩm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, đặc biệt là bộ com-lê, jacket, quần áo nam nữ không dệt kim và trang phục thể thao, với mức tăng ngày càng cao qua từng tháng (HS 6203 tăng 101,9% trong 8 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025, HS 6211 tăng 135,2%). Ở cấp HS 6 và 8 số, nhiều dòng sản phẩm tiếp tục tăng mạnh, cho thấy khả năng đáp ứng linh hoạt các loại đơn hàng của doanh nghiệp Việt Nam và mở ra cơ hội phát triển thêm các phân khúc có quy mô chưa lớn.

VIFTA tiếp tục là lợi thế cần được chuyển hóa thành lợi thế cạnh tranh thực tế. Đà tăng trưởng tăng tốc liên tục trong 3 tháng gần đây cho thấy hiệu ứng VIFTA đang lan tỏa ngày càng rõ, song hiệu quả sẽ phụ thuộc ngày càng nhiều vào khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ, giá thành, chất lượng và thời gian giao hàng của doanh nghiệp.

4.2. Thách thức

Bên cạnh các cơ hội, hoạt động xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang thị trường I-xra-en vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như tốc độ tăng trưởng dù đã cải thiện nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức tăng chung của xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường này; cơ cấu sản phẩm xuất khẩu có mức độ tập trung ngày càng cao; nhu cầu nhập khẩu của I-xra-en có dấu hiệu chững lại; và rủi ro địa chính trị vẫn khó dự báo. Cụ thể:

Tăng trưởng xuất khẩu vẫn chưa tương xứng với mức tăng chung của quan hệ thương mại Việt Nam - I-xra-en. Trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam tăng 12,1%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 46,2% của tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường I-xra-en. Do đó, tỷ trọng dệt may trong tổng xuất khẩu tiếp tục giảm xuống 4,51%.

Cơ cấu xuất khẩu có mức độ tập trung ngày càng cao. Top 5 mã HS 8 số chiếm khoảng 43,6% tổng kim ngạch 8 tháng năm 2026, cao hơn mức 42,9% của 7 tháng đầu năm 2026. Trong khi một số mã chủ lực tăng rất mạnh, nhiều dòng sản phẩm khác lại giảm hai chữ số. Điều này cho thấy tăng trưởng hiện chưa đồng đều và có thể tạo rủi ro nếu nhu cầu đối với các mã hàng chủ lực biến động.

Tổng cầu thị trường có dấu hiệu chững lại. Nhu cầu nhập khẩu hàng dệt, may

của I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026 giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2025, đảo chiều so với mức tăng 0,4% của 6 tháng đầu năm 2026. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng của Việt Nam chủ yếu phải đến từ việc giành thêm đơn hàng và thị phần từ các nhà cung cấp khác, trong khi Trung Quốc vẫn giữ vị thế áp đảo với gần 48% thị phần.

Rủi ro địa chính trị và logistics vẫn khó dự báo. Diễn biến an ninh tại Trung Đông có thể ảnh hưởng đến tuyến vận tải, chi phí logistics, thời gian giao hàng và tâm lý đặt hàng của doanh nghiệp I-xra-en. Đây là yếu tố có thể làm gián đoạn đà tăng trưởng dù nhu cầu thị trường vẫn duy trì.

4.3. Kiến nghị

Trên cơ sở đà tăng trưởng xuất khẩu được cải thiện rõ nét và liên tục qua các tháng gần đây, nhưng đồng thời còn tồn tại sự phân hóa giữa các nhóm sản phẩm, mức độ tập trung ngày càng cao vào một số mã hàng và nhu cầu thị trường có dấu hiệu chững lại, việc mở rộng xuất khẩu hàng dệt, may sang thị trường I-xra-en trong thời gian tới cần chuyển từ khai thác lợi thế thuế quan sang nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì đơn hàng ổn định. Theo đó, một số kiến nghị đối với cơ quan quản lý, doanh nghiệp và ngành dệt may được đề xuất như sau:

Đối với cơ quan quản lý: Chuyển trọng tâm hỗ trợ từ phổ biến chung về VIFTA sang hỗ trợ doanh nghiệp khai thác thực chất thị trường I-xra-en, tập trung vào thông tin về nhu cầu theo từng nhóm sản phẩm, nhà nhập khẩu, quy tắc xuất xứ và các yêu cầu kỹ thuật. Đồng thời, tăng cường kết nối trực tiếp doanh nghiệp Việt Nam với nhà nhập khẩu, nhà phân phối I-xra-en nhằm chuyển tín hiệu tăng trưởng hiện nay thành các đơn hàng ổn định hơn.

Đối với doanh nghiệp: Cần tận dụng đà tăng trưởng của một số nhóm sản phẩm đang có nhu cầu tốt để mở rộng khách hàng, nhưng đồng thời tránh phụ thuộc quá lớn vào một số mã hàng chủ lực. Doanh nghiệp nên ưu tiên phát triển các dòng sản phẩm có tốc độ tăng cao như trang phục nam, quần áo thể thao và một số sản phẩm dệt thoi; đồng thời tiếp tục thử nghiệm các phân khúc ngách có quy mô nhỏ nhưng có khả năng tăng trưởng nhanh.

Bên cạnh đó, cần tận dụng đầy đủ ưu đãi VIFTA, rà soát mã HS và điều kiện xuất xứ ngay từ khi đàm phán đơn hàng; nâng cao khả năng đáp ứng các đơn hàng nhỏ, đa dạng mẫu mã và rút ngắn thời gian giao hàng. Việc xây dựng quan hệ trực

tiếp với nhà nhập khẩu và nhà phân phối tại I-xra-en cũng cần được chú trọng nhằm giảm phụ thuộc vào các đơn hàng gia công trung gian.

Tiếp tục nâng cao năng lực cung ứng nguyên phụ liệu, tỷ lệ nội địa hóa và khả năng truy xuất nguồn gốc; đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và xây dựng chuỗi cung ứng linh hoạt để nâng sức cạnh tranh trong dài hạn.

Trong những tháng cuối năm, cần ưu tiên duy trì đà tăng trưởng và nâng chất lượng tăng trưởng, thay vì chỉ tập trung vào gia tăng kim ngạch. Việc mở rộng thêm các nhóm sản phẩm có tiềm năng, giảm mức độ phụ thuộc vào một số mã hàng chủ lực và theo dõi sát biến động đơn hàng theo từng quý sẽ giúp doanh nghiệp tận dụng tốt hơn dư địa của thị trường I-xra-en trong bối cảnh tổng cầu tăng chậm và cạnh tranh ngày càng cao.